

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NH
TỈNH KH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 5 năm 2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NH, TỈNH KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh KH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH, tỉnh KH tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn TP, xã NX, thị xã NH, KH. vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Văn Tr, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn TP, xã NX, thị xã NH, KH. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Lê Thị Nh trình bày: Bà và ông Phan Văn Tr kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NS vào ngày 14 tháng 3 năm 1997. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn do ông Tr có tính gia trưởng, áp đặt, thường xuyên ăn nhậu về nhà gây sự kinh cãi, đánh đập bà, không lo làm ăn lo kính tế cho gia đình nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Bà đã nhiều lần bỏ qua để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông Tr vẫn không

thay đổi, nay bà không còn tình cảm với ông Tr nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn Tr.

Về con chung: Bà và ông Phan Văn Tr có bốn con chung là Phan Lê D - sinh năm 1997, Phan Lê D1 – sinh năm 1999, Phan Lê Đ – sinh năm 2001 và Phan Lê T – sinh năm 2004. Các con chung đều đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, không có con chung bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc mất khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2023, bị đơn ông Phan Văn Tr trình bày: Ông và bà Lê Thị Nh tự nguyện đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã Ninh Sim năm 1997. Quá trình chung sống vợ chồng ông cũng có xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi, ông có tát bà Nh vài bạt tai nhưng hết hồi thì thôi chứ không có gì. Nay bà Nh xin ly hôn ông không đồng ý, vì mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng, ông còn thương bà Nh và các con đều đã lớn, gia đình có thông gia hai bên nên ông mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Trích sao giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh Phan Lê Dn, Phan Lê D1, Phan Lê Đ và Phan Lê T (bản sao); Căn cước công dân Phan Thị Nh (bản sao); Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Phan Văn Tr (bản sao); biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH, tỉnh KH phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị Nh được ly hôn với ông Phan Văn Tr; Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nh trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn ông Phan Văn Tr, cư trú tại: Thôn TP, xã NX, thị xã NH, tỉnh KH nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh KH theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Nh và ông Phan Văn Tr tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NS cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/1997 ngày 14 tháng 3 năm 1997 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, Theo lời trình bày của bà Nh thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên kinh cãi, mâu thuẫn kéo dài do tính tình không hợp nhau, ông Tr có tính gia trưởng, áp đặt, thường xuyên ăn nhậu về nhà gây sự kinh cãi, đánh đập bà, không lo làm ăn lo kinh tế cho gia đình nên tình cảm vợ chồng nhạt dần, bà đã nhiều lần bỏ qua để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông Tr vẫn không thay đổi. Bà Nh xác định không còn tình cảm với ông Tr nên yêu cầu được ly hôn với ông Tr; Bị đơn ông Phan Văn Tr thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi và ông có đánh bà Nh vài bạt tai nhưng hết hồi lại thôi, không có gì trầm trọng, ông còn thương bà Nh và hiện tại các con đã trưởng thành, gia đình đã có thông gia nên ông muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Nh. Tuy nhiên, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành xuống nhà lấy lời khai của ông Phan Văn Tr. Ông Tr đồng ý trình bày lời khai nhưng không đồng ý ký vào biên bản lấy lời khai của Tòa án và Tòa án đã triệu tập ông Tr nhiều lần đến để hoà giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông không hợp tác để nhận văn bản của Tòa án và cũng không tới Tòa án làm việc chứng tỏ ông Tr có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà Nh. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nh và ông Tr đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, dân chủ, hòa thuận và bền vững không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà Nh là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Nh và ông Phan Văn Tr có bốn con chung là Phan Lê D - sinh năm 1997, Phan Lê D1 – sinh năm 1999, Phan Lê Đ – sinh năm 2001 và Phan Lê T – sinh năm 2004. Các con chung đều đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, không có con chung bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc mất khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Nh được ly hôn ông Phan Văn Tr.

1.2. Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, không có con chung bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc mất khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Nh phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005627 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NH. Bà Lê Thị Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. *Quy định chung*: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND thị xã NH;
- Chi cục THADS thị xã NH;
- UBND xã NS (GCNKH số 08/1997 ngày 14/3/1997);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Trung